

## 1. Nhận diện sản phẩm và Đơn vị kinh doanh

|                               |  |
|-------------------------------|--|
| <b>Tên sản phẩm</b>           | <b>Castrol Magnatec 10W-40</b>   |
| <b>SDS #</b>                  | 460311   |
| <b>Sử dụng chất/pha chế</b>   | Chất bôi trơn động cơ ô tô.<br>Với những chỉ dẫn ứng dụng cụ thể, xem Tài liệu Kỹ thuật hoặc tham vấn đại diện công ty chúng tôi.  |
| <b>Nhà cung cấp</b>           | Công ty TNHH Castrol BP Petco<br>Tầng 7, Cao ốc VP Central Plaza<br>17 Lê Duẩn, Quận 1<br>TP. HCM, Việt Nam<br>Điện thoại: 84-8-38219596 / 38219153<br>Fax: 84-8-38219603 / 38219152 |
| <b>Số điện thoại khẩn cấp</b> | Carechem: +65 3158 1074 (24 hours)   |
| <b>Mã số</b>                  | 460311-VN02  |

## 2. Thành phần/Thông tin về các chất cấu thành

Dầu gốc được bổ sung hoá chất Dầu gốc tinh luyện (IP 346 ly trích DMSO < 3%). Các phụ gia tính năng đặc biệt.

**Sản phẩm này không chứa thành phần nguy hại nào ở ngưỡng hoặc trên ngưỡng quy định.**

## 3. Nhận biết các nguy hại

Sản phẩm này không được phân loại là nguy hiểm.

|                                |  |
|--------------------------------|--|
| <b>Mối nguy vật lý/hóa học</b> | Không được xếp vào loại nguy hiểm.   |
| <b>Mối nguy cho sức khỏe</b>   | Không được xếp vào loại nguy hiểm.   |
| <b>Các mối nguy phụ</b>        | <b>DẦU ĐỘNG CƠ ĐÃ SỬ DỤNG</b><br>Dầu động cơ đã sử dụng chứa những thành phần nguy hiểm có khả năng gây ung thư da.<br>Xem Thông tin về Chất độc hại, mục 11 của Bảng Dữ liệu An toàn này. |
| <b>Hậu quả và triệu chứng</b>  |  |
| <b>Mắt</b>                     | Không có nguy cơ nghiêm trọng nào đối với sức khỏe được nhận biết.   |
| <b>Da</b>                      | Không có nguy cơ nghiêm trọng nào đối với sức khỏe được nhận biết.   |
| <b>Hít phải</b>                | Không có nguy cơ nghiêm trọng nào đối với sức khỏe được nhận biết.   |
| <b>Nuốt phải</b>               | Không có nguy cơ nghiêm trọng nào đối với sức khỏe được nhận biết.   |

## 4. Các biện pháp sơ cứu

|                          |  |
|--------------------------|--|
| <b>Tiếp xúc mắt</b>      | Nếu tiếp xúc, dùng nhiều nước rửa mắt ngay ít nhất trong 15 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu có khó chịu.   |
| <b>Tiếp xúc ngoài da</b> | Nếu tiếp xúc, dùng nhiều nước rửa da ngay. Cởi quần áo và giày dép bị nhiễm. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu bị khó chịu. |
| <b>Hít phải</b>          | Nếu hít phải, đưa ra ngoài chỗ thoáng gió. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu có triệu chứng.   |
| <b>Nuốt phải</b>         | Không được gây ói trừ khi nhân viên y tế đã cho chỉ thị. Không được đưa bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu nuốt phải chất này với số lượng lớn, gọi bác sĩ ngay lập tức.        |
| <b>Bác sĩ lưu ý</b>      | Nói chung điều trị cần hướng vào triệu chứng và nhằm vào việc giảm nhẹ mọi tác động.   |

## 5. Các biện pháp chữa cháy

|   |  |
|---|--|
| <b>Phương tiện dập tắt</b>              |  |
| <b>Thích hợp</b>                        | Trong trường hợp xảy ra cháy, sử dụng vòi nước phun sương, bình chữa cháy dạng bột, hóa chất khô hoặc bình khí cacbon đi-oxit. |
| <b>Không thích hợp</b>                  | Đừng dùng tia nước.  |
| <b>Những sản phẩm phân hủy nguy hại</b> | Các sản phẩm đốt cháy có thể bao gồm những chất sau:<br>các ôxit cacbon  |
| <b>Nguy cơ cháy/nổ bất thường</b>       | Sản phẩm này không là chất nổ như được định nghĩa theo các tiêu chuẩn của các luật định đã ban hành.                           |
| <b>Quy trình cứu hỏa đặc biệt</b>       | Không được xác định.   |
| <b>Bảo vệ lính cứu hỏa</b>              | Lính cứu hỏa phải mang thiết bị thở tự hành áp suất dương (SCBA) và đồ nghề đầy đủ.  |

|   |   |                                     |   |
|---|---|-------------------------------------|---|
| <b>Tên sản phẩm</b> Castrol Magnatec 10W-40 | <b>Mã số sản phẩm</b> 460311-VN02       | Trang: 1/4                          |   |
| <b>Phiên bản 2</b>                          | <b>Ngày phát hành</b> 17 Tháng Năm 2010 | <b>Định dạng Việt nam (Vietnam)</b> | <b>Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT (VIETNAMESE)</b> |

## 6. Biện pháp xử lý tai nạn

|                                     |   |
|-------------------------------------|---|
| <b>Biện pháp phòng ngừa cá nhân</b> | Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8).   |
| <b>Đề phòng cho môi trường</b>      | Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).   |
| <b>Đổ tràn nhiều</b>                | Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem phần 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Ghi chú: xem phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và phần 13 về xử lý chất thải. |
| <b>Đổ tràn ít</b>                   | Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Pha loãng bằng nước và vét sạch nếu hòa tan trong nước hay hút bằng chất khô trơ và để trong bình chứa xử lý chất thải thích hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.   |

## 7. Thao tác và lưu trữ

|                |   |
|----------------|---|
| <b>Xử lý</b>   | Rửa thật kỹ sau khi xử lý. Tránh các chất oxy hoá mạnh.       |
| <b>Lưu trữ</b> | Giữ bình chứa đóng kín. Để bình chứa tại nơi mát, thoáng gió. |

## 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

### Tên thành phần **Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp**

Dầu gốc - không phân biệt loại

#### ACGIH (Hoa Kỳ).

STEL: 10 mg/m<sup>3</sup> 15 phút (mỗi lần). Dạng: Dầu khoáng, sương

TWA: 5 mg/m<sup>3</sup> 8 giờ (mỗi lần). Dạng: Dầu khoáng, sương

Ở nơi không có giới hạn phơi nhiễm quy định, để có thông tin và hướng dẫn, các số liệu của ACGIH được kèm theo. Để có thêm thông tin về những giới hạn này hãy tư vấn với nhà cung cấp của bạn.

Tuy những giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp (OEL) cho các thành phần đã biết được nêu trong bảng dữ liệu an toàn (SDS) này, nhưng cần lưu ý rằng có thể có sự hiện diện của những thành phần khác dưới dạng sương, hơi hoặc bụi được tạo ra trong quá trình sản xuất. Vì vậy, các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp (OEL) đã nêu có thể không áp dụng cho các thành phần khác này mà chỉ được cung cấp với mục đích hướng dẫn.

### Kiểm soát phơi nhiễm

#### Kiểm soát phơi nhiễm nghề nghiệp

Cung cấp hệ thống thông gió hay thiết bị kiểm soát khác để giữ nồng độ không khí liên quan ở dưới giới hạn độc hại nghề nghiệp tương ứng.

#### Biện pháp vệ sinh

Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm.

### Thiết bị bảo hộ cá nhân

#### Hệ hô hấp

Không yêu cầu. Tuy nhiên, sử dụng hệ thống thông gió đầy đủ là thực hành công nghiệp tốt.

#### Da và cơ thể

Không yêu cầu. Tuy nhiên, sử dụng áo quần bảo vệ là một thói quen công nghiệp tốt.

#### Tay

Hãy đeo găng tay bảo hộ nếu có khả năng tiếp xúc kéo dài hoặc thường xuyên. Găng tay chống hóa chất. Khuyến nghị: Găng tay nitril. Sự lựa chọn đúng găng tay bảo hộ phụ thuộc vào các chất hóa học được xử lý, điều kiện làm việc và sử dụng, và tình trạng của găng tay (thậm chí găng tay chống chất hóa học tốt nhất sẽ bị rách sau sự phơi nhiễm hóa học liên tục). Hầu hết các găng tay chỉ có tác dụng bảo vệ trong một thời gian ngắn và phải được hủy bỏ và thay thế kịp thời. Do các môi trường làm việc cụ thể và thực tế thao tác với vật liệu thay đổi, các quy trình an toàn cần được xây dựng cho mỗi ứng dụng đã định. Vì thế, găng tay cần được chọn với sự tư vấn của nhà cung cấp/nhà sản xuất và với sự đánh giá đầy đủ về các điều kiện làm việc.

#### Mắt

Kính bảo hộ có miếng che hai bên.

## 9. Tính chất vật lý và hoá học

|                          |   |
|--------------------------|---|
| <b>Tình trạng vật lý</b> | Chất lỏng.  |
| <b>Màu</b>               | Hồ phách.   |
| <b>Điểm chớp cháy</b>    | Cốc kín: 200°C (392°F) [Pensky-Martens.]  |
| <b>Độ nhớt</b>           | Động học: 100.4 mm <sup>2</sup> /s (100.4 đơn vị cSt) ở 40°C<br>Động học: 14.46 mm <sup>2</sup> /s (14.46 đơn vị cSt) ở 100°C |
| <b>Điểm ngưng chảy</b>   | -39 °C  |
| <b>Tỷ trọng</b>          | 880 kg/m <sup>3</sup> (0.88 g/cm <sup>3</sup> ) ở 15°C  |
| <b>Tính hòa tan</b>      | không tan trong nước.   |

Tên sản phẩm Castrol Magnatec 10W-40

Mã số sản phẩm

460311-VN02

Trang: 2/4

Phiên bản 2

Ngày phát hành 17 Tháng Năm 2010

Định dạng Việt nam (Vietnam)

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT (VIETNAMESE)

## 10 . Tính ổn định và độ phản ứng

|   |  |
|---|--|
| <b>Tính ổn định</b>                     | Sản phẩm ổn định.  |
| <b>Tình trạng cần tránh</b>             | Không có thông tin cụ thể.   |
| <b>Những Chất cần tránh</b>             | Phản ứng hay không tương thích với các chất sau: chất oxy hóa.   |
| <b>Những sản phẩm phân hủy nguy hại</b> | Sản phẩm phân hủy có thể bao gồm các chất sau:<br><br>carbon dioxide<br>carbon monoxide<br><br>Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, các sản phẩm phân hủy nguy hại sẽ không phát sinh. |

## 11 . Thông tin về độc tính

### Độc tính mãn tính

|  |  |
|--|--|
| <b>Số liệu về độc tố gây mãn tính khác</b> | <b>DẦU ĐỘNG CƠ ĐÃ SỬ DỤNG</b><br>Các sản phẩm cháy do hoạt động của những động cơ đốt trong có nhiễm dầu động cơ trong khi sử dụng. Dầu động cơ đã sử dụng có thể chứa những thành phần nguy hiểm có khả năng gây ung thư da. Vì thế, cần tránh tiếp xúc thường xuyên hoặc kéo dài với tất cả các loại dầu động cơ đã dùng hoặc tránh tận dụng chúng, đồng thời duy trì vệ sinh cá nhân theo tiêu chuẩn cao. |
| <b>Hậu quả gây ung thư</b>                 | Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào  |

## 12 . Thông tin sinh thái

|                                 |   |
|---------------------------------|---|
| <b>Tính bền vững/độ phân rã</b> | Khả năng thoái biến sinh học của sản phẩm này chưa được xác định.       |
| <b>Mối nguy cho môi trường</b>  | Không có thông tin về sinh thái và chất độc hại sinh thái để thông báo. |

## 13 . Các cân nhắc khi thải bỏ

|   |   |
|---|---|
| <b>Các cân nhắc khi thải bỏ / Thông tin chất thải</b> | Cần tránh hoặc giảm thiểu việc tạo ra chất thải nếu có thể<br>Bình rỗng hay các lớp lót có thể giữ lại cặn sản phẩm. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Bất cứ lúc nào, việc thải bỏ sản phẩm, dung dịch hoặc sản phẩm phụ phải phù hợp với các yêu cầu của cơ quan bảo vệ môi trường, luật lệ xử lý chất thải, và quy định của chính quyền địa phương hay khu vực.<br>Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. |
|---|---|

## 14 . Thông tin vận chuyển

### Quy định vận chuyển quốc tế

Không được xếp vào loại nguy hiểm cho việc vận chuyển (IMDG, ICAO/IATA)

## 15 . Thông tin quy định

### Liên Hiệp Châu Âu - Yêu cầu về nhãn hiệu

|   |  |
|---|--|
| <b>Diễn đạt nguy hiểm R</b>                                       | Sản phẩm này không được phân loại là nguy hiểm theo các quy định được áp dụng.   |
| <b>Quy định khác</b>  |  |
| <b>Danh mục của Châu Âu</b>                                       | Có ít nhất một thành phần không được liệt kê trong EINECS (Bản Kê Các Hóa Chất Thương Mại Hiện Có của Châu Âu) nhưng tất cả các thành phần này đều được liệt kê trong ELINCS (Danh Sách Hóa Chất Được Biết Đến của Châu Âu).<br>Xin liên lạc công ty cung cấp của quý vị để có thông tin về tình trạng kiểm kê của vật liệu này. |
| <b>Danh mục của Hoa Kỳ(TSCA 8b) (Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc)</b> | Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.   |
| <b>Tình trạng Danh mục của Úc (AICS)</b>                          | Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.   |
| <b>Danh mục của Canada</b>  | Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.   |
| <b>Danh mục của Trung Quốc (IECSC)</b>                            | Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.   |
| <b>Danh mục của Nhật (ENCS)</b>                                   | Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.   |
| <b>Danh mục của Hàn Quốc (KECI)</b>                               | Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.   |
| <b>Danh mục của Phi-lip-pin (PICCS)</b>                           | Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.   |

### Việt nam

|  |                                    |
|--|------------------------------------|
| <b>Phân loại chất độc (TCVN 3164-79)</b> | Không được xếp vào loại nguy hiểm. |
|--|------------------------------------|

|   |   |                                     |   |
|---|---|-------------------------------------|---|
| <b>Tên sản phẩm</b> Castrol Magnatec 10W-40 | <b>Mã số sản phẩm</b> 460311-VN02       | Trang: 3/4                          |   |
| <b>Phiên bản 2</b>                          | <b>Ngày phát hành</b> 17 Tháng Năm 2010 | <b>Định dạng Việt nam (Vietnam)</b> | <b>Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT (VIETNAMESE)</b> |

## 16 . Thông tin khác

### Lịch sử

**Ngày phát hành/ Ngày hiệu  
chính** 17 Tháng Năm 2010

**Ngày phát hành lần trước** 27 Tháng Năm 2008

**Chuẩn bị bởi** Product Stewardship

### Người đọc lưu ý

✔ Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Tất cả các bước khả thi hợp lý đã được thực hiện để đảm bảo thông tin về sức khỏe, an toàn và môi trường trong bảng dữ liệu là chính xác tính đến ngày được nêu dưới đây. Không có sự bảo đảm hoặc diễn đạt nào thể hiện hoặc ngụ ý về sự chính xác hoặc đầy đủ của số liệu và thông tin có trong bảng dữ liệu này.

Dữ liệu và lời khuyên đã cho áp dụng khi sản phẩm bán ra để sử dụng cho một hoặc nhiều ứng dụng đã nêu rõ. Không được sử dụng sản phẩm này vào ứng dụng khác với các ứng dụng đã được nêu rõ mà không tham khảo ý kiến của chúng tôi.

Nghĩa vụ của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn và tuân thủ các luật pháp và quy định được áp dụng. Tập đoàn BP sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ mọi thiệt hại hoặc tổn thương do sử dụng khác với công dụng của sản phẩm đã nêu rõ đối với chất này, do không tuân thủ các khuyến nghị, hoặc do bất kỳ sự nguy hiểm nào vốn có trong bản chất của sản phẩm. Những người mua sản phẩm để cung cấp cho bên thứ ba sử dụng tại nơi làm việc có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất kỳ người nào xử lý hoặc sử dụng sản phẩm đều được cung cấp thông tin trong tờ này. Các nhà sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo với nhân viên và những người khác có thể bị ảnh hưởng bởi những rủi ro được mô tả trong tờ này và cần thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa.

**Tên sản phẩm** Castrol Magnatec 10W-40

**Mã số sản  
phẩm**

460311-VN02

Trang: 4/4

**Phiên bản** 2

**Ngày phát hành** 17 Tháng Năm 2010

**Định dạng Việt nam  
(Vietnam)**

**Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT  
(VIETNAMESE)**